

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2019.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào.
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoài Vinh.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Kim Th - sinh năm 1997, có mặt.

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện Gi, Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn D - sinh năm 1987, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Kim Th như sau: Bà kết hôn với ông Trần Văn D vào ngày 14/5/2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng vợ chồng ông bà không có đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi cưới vợ chồng bà sống chung với gia đình chồng, ông D thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn, khi nhậu say thì kiểm chuyện xua đuổi bà. Mẹ chồng bà không thương nên mẹ chồng nàng dâu không gần gũi, những công việc vặt trong gia đình khi bà đã làm xong thì mẹ chồng bà đem ra làm lại, khi vợ chồng bà có xích mích thì mẹ chồng bà không can thiệp khuyên bảo chồng bà mà còn chì chiết nặng nề bà, sau khi bà mang thai được 04 tháng do không chịu nổi sự nặng nề của gia đình chồng nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay đã gần 04 năm nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, vợ chồng

không còn tình cảm yêu thương nhau, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về con chung: Sau thời gian chung sống bà mang thai và về nhà cha mẹ ruột sinh con là Lê Kim M – sinh ngày 20/02/2016 hiện nay bà đang nuôi dưỡng. Từ khi bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và sinh con thì ông D ít khi qua thăm con và cũng không có chu cấp gì cho con. Khi con bị bệnh bà có gọi cho ông D qua chở con đi khám bệnh nhưng ông D không qua. Từ khi nghe tin bà bị bệnh nang buồn trúng vào ngày mùng 6 tết năm 2018 cho đến nay thì ông D không liên lạc và cũng không qua thăm con.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung của vợ chồng bà thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi con chung chưa thành niên là cháu Lê Kim M – sinh ngày 20/02/2016 và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con. Bà không đồng ý giao con chung cho ông D nuôi.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn D trình bày: Năm 2014 sau thời gian tìm hiểu ông và bà Lê Kim Th kết hôn với nhau, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông bà sống chung với gia đình ông, hai người sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tự nhiên bà Th bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột sống, ông nhiều lần sang kêu nhưng vợ ông không đồng ý về nên vợ chồng ông sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Thời gian sống chung vợ chồng ông có một người con chung tên Lê Kim M – sinh ngày 20/02/2016 hiện nay bà Th đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Lê Kim Th.

Về con chung: Ông xin được nuôi cháu Lê Kim M – sinh ngày 20/02/2016 và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ kiện còn kéo dài. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và

các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Lê Kim Th và ông Trần Văn D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn D là bị đơn trong vụ án, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Kim Th và ông Trần Văn D kết hôn với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện tức hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi đi đến xác lập cuộc sống chung vợ chồng, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng vợ chồng ông bà không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân sở tại là vi phạm Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp nên căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Lê Kim Th và ông Trần Văn D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Lê Kim Th và ông Trần Văn D có 01 người con chung tên Lê Kim M – sinh ngày 20/02/2016. Ông D và bà Th đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên, từ khi cháu Lê Kim M – sinh ngày 20/02/2016 được sinh ra bà Th nuôi dưỡng cháu cho đến nay đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu M còn ông D không trực tiếp nuôi cháu và cũng ít quan tâm đến cháu vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th và quyết định giao cháu Lê Kim M – sinh ngày 20/02/2016 cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về phần cấp dưỡng nuôi con: Do bà Th không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Kim Th và ông Trần Văn D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Lê Kim Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008758, ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 53, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Kim Th.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Kim Th và ông Trần Văn D là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lê Kim M – sinh ngày 20/02/2016 cho bà Lê Kim Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Các đương sự được quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Kim Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008758, ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM./ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND tỉnh;

-VKS Gò Quao;

-Chi cục THA;

-Các đương sự;

-Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thị Thùy Trang